



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC
VIETNAM GERMAN STEEL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY
KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam
Bình Xuyên industrial zone, Dao Duc Town, Binh Xuyen Dist, Vinh Phuc Province, Viet Nam
Tel: 0211 3593 596 * Fax: 0211 3593 696 * Website: thepvietduc.com.vn



CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM KIỂM CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

(MILL TEST CERTIFICATE)

BM-02-7.8

BẢN SAO

Số / No : 125-0061-02/25/VGS

Ngày / Date

Khách hàng / Customer

- Tiêu chuẩn / Standard : TCVN 1651-1:2018
- Phương pháp thử/ Standard test method : TCVN 7937-1:2013, TCVN 198:2008
- Chỉ tiêu cơ tính và quy cách sản phẩm / Specification, Physical and Mechanical Properties:
 - * Thiết bị thí nghiệm: Máy kéo nén vạn năng WE1000-B, thước vạch, cân điện tử...
 - * Chỉ tiêu ngoại quan/Perceptable: Đạt yêu cầu kỹ thuật/Good.
 - * Thủ tục lấy mẫu/ Sampling procedures : TT-7.3

SẢN PHẨM (PRODUCT)					CƠ LÝ TÍNH (MECHANICAL PROPERTIES)			
Số TT (No.)	Quy cách (Product specification)	Mác thép (Grade)	Ngày S.xuất (Date)	Số lô (Lot No.)	Giới hạn chảy (Yield Strength) (N/mm ²)	Giới hạn bền (Tensile Strength) (N/mm ²)	Độ giãn dài (Elongation) (%)	Thử uốn (Bending test) (160°÷180°)
					240 min	380 min	20 min	
01	Φ6	CB240-T	21/02/2025- 24/02/2025	125-0061	302.1	440.6	35	Không nứt No cracks

Số TT (No.)	Yêu cầu/spec (CB240-T)	Mác thép (Grade)	% C	% Si	% Mn	% P	% S	C+ Mn/6
01	Φ6	CB240-T	0.15	0.18	0.48	0.015	0.018	0.23

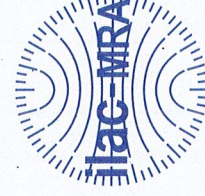
4. Kết luận /Result:

- Chúng tôi chứng nhận các sản phẩm trên đạt nhóm CB240-T theo tiêu chuẩn TCVN 1651-1:2018 (WE, VGS hereby certify that these products have conformed to the grade of CB240-T by TCVN 1651-1:2018 standard)

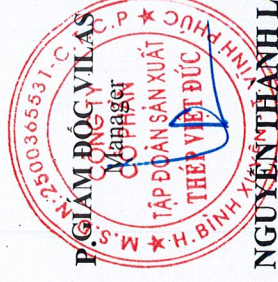
THỦ NGHIỆM VIÊN
Test member

y

LÊ MINH VƯƠNG



VILAS 442



NGUYỄN THANH LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC
VIETNAM GERMAN STEEL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY
KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam
Bình Xuyên industrial zone, Dao Duc Town, Bình Xuyên Dist, Vĩnh Phúc Province, Viet Nam
Tel: 0211 3593 596 * Fax: 0211 3593 696 * Website: thepvietduc.com.vn



CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM KIỂM CHỨNG NHẬN XUẤT XƯƠNG (MILL TEST CERTIFICATE)

BM-02-7.8

BẢN SAO

Số / No : 125-0062-02/25/VGS

Ngày / Date

Khách hàng / Customer

1. Tiêu chuẩn / Standard : TCVN 1651-1:2018

* Phương pháp thử/ Standard test method : TCVN 7937-1:2013, TCVN 198:2008

2. Chỉ tiêu cơ tính và quy cách sản phẩm / Specification, Physical and Mechanical Properties:

- * Thiết bị thí nghiệm: Máy kéo nén vạn năng WE1000-B, thước vạch, cân điện tử...
- * Chỉ tiêu ngoại quan/Perceptable: Đạt yêu cầu kỹ thuật/Good.
- * Thủ tục lấy mẫu/ Sampling procedures : TT-7.3

SẢN PHẨM (PRODUCT)					CƠ LÝ TÍNH (MECHANICAL PROPERTIES)			
Số TT (No.)	Quy cách (Product specification)	Mác thép (Grade)	Ngày S.xuất (Date)	Số lô (Lot No.)	Giới hạn chảy (Yield Strength) (N/mm ²)	Giới hạn bền (Tensile Strength) (N/mm ²)	Độ giãn dài (Elongation) (%)	Thử uốn (Bending test) (160°÷180°)
					240 min	380 min	20 min	
01	Φ8	CB240-T	24/02/2025- 26/02/2025	125-0062	316.4	460.9	35	Không nứt No cracks

3. Thí nghiệm hóa tính

Số TT (No.)	Yêu cầu/spec (CB240-T)	Mác thép (Grade)	% C	% Si	% Mn	% P	% S	C+ Mn/6
01	Φ8	CB240-T	0.15	0.18	0.48	0.015	0.018	0.23

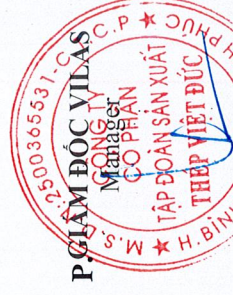
4. Kết luận /Result:

- Chúng tôi chứng nhận các sản phẩm trên đạt nhóm CB240-T theo tiêu chuẩn TCVN 1651-1:2018
(WE, VGS hereby certify that these products have conformed to the grade of CB240-T by TCVN 1651-1:2018 standard)

THỦ NGHIỆM VIÊN
Test member

[Signature]

LÊ MINH VƯƠNG



VILAS 442

NGUYỄN THANH LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

VIETNAM GERMANY STELL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY

KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam

Bình Xuyên industrial zone, Dao Duc Town, Bình Xuyên Dist, Vĩnh Phúc Province, Viet Nam

Tel: 0211 3593 596 * Fax: 0211 3593 696 * Website: thepvietduc.com.vn



CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM KIỂM CHỨNG NHẬN XUẤT XƯƠNG

(MILL TEST CERTIFICATE)

Số / No : 125-0097-03/25/VGS

Ngày / Date

Khách hàng / Customer

1. Tiêu chuẩn / Standard : TCVN 1651 - 2:2018

* Phương pháp thử / Standard test method : TCVN 7937-1:2013, TCVN 198:2008

2. Chỉ tiêu cơ tính và quy cách sản phẩm / Specification, Physical and Mechanical Properties:

- * Thiết bị thí nghiệm: Máy kéo nén vạn năng WE1000-B, thước vạch, cân điện tử...
- * Chỉ tiêu ngoại quan/Perceptable: Đạt yêu cầu kỹ thuật/Good.
- * Thủ tục lấy mẫu/ Sampling procedures : TT-7.3

SẢN PHẨM (PRODUCT)					CƠ LÝ TÍNH (MECHANICAL PROPERTIES)			
Số TT (No.)	Quy cách (Product specification)	Mác thép (Grade)	Ngày S.xuất (Date)	Số lô (Lot No.)	Giới hạn chảy (Yield Strength) (N/mm ²)	Giới hạn bền (Tensile Strength) (N/mm ²)	Độ giãn dài (Elongation) (%)	Thử uốn (Bending test) (160°÷180°)
					400 min	570 min	14 min	
01	D10-11.70m	CB400-V	23/03/2025- 24/03/2025	125-0097	498	639.6	20	Không nứt No cracks

3. Thí nghiệm hóa tính

Số TT (No.)	Yêu cầu/spec (CB400-V)	Mác thép (Grade)	% C	% Si	% Mn	% P	% S	C+ Mn/6
01	D10-11.70m	CB400-V	0.26	0.28	1.80 max	0.040 max	0.025	0.37

4. Kết luận /Result:

- Chúng tôi chứng nhận các sản phẩm trên đạt nhóm CB400-V theo tiêu chuẩn TCVN 1651 - 2:2018 (WE, VGS hereby certify that these products have conformed to the grade of CB400-V by TCVN 1651 - 2:2018 standard)

THỦ NGHIỆM VIÊN

Test member

y

LÊ MINH VƯƠNG



VILAS 442

NGUYỄN THANH LONG

BM-02-7.8

BẢN SAO



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC
VIETNAM GERMANY STEEL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY
KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam
Bình Xuyên industrial zone, Dao Duc Town, Binh Xuyen Dist, Vinh Phuc Province, Viet Nam
Tel: 0211 3593 596 * Fax: 0211 3593 696 * Website: thepvietduc.com.vn



CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM KIỂM CHỨNG NHẬN XUẤT XƯƠNG
(MILL TEST CERTIFICATE)

BM-02-7.8

BẢN SAO

Số / No : 125-0094-03/25/VGS
Ngày / Date
Khách hàng / Customer

1. Tiêu chuẩn / Standard : TCVN 1651 - 2:2018
* Phương pháp thử/ Standard test method : TCVN 7937-1:2013, TCVN 198:2008
2. Chỉ tiêu cơ tính và quy cách sản phẩm / Specification, Physical and Mechanical Properties:

- * Thiết bị thí nghiệm: Máy kéo nén vạn năng WE1000-B, thước vạch, cân điện tử...
* Chỉ tiêu ngoại quan/Perceptable: Đạt yêu cầu kỹ thuật/Good.
* Thủ tục lấy mẫu/ Sampling procedures : TT-7.3

SẢN PHẨM (PRODUCT)					CƠ LÝ TÍNH (MECHANICAL PROPERTIES)			
Số TT (No.)	Quy cách (Product specification)	Mác thép (Grade)	Ngày S.xuất (Date)	Số lô (Lot No.)	Giới hạn chảy (Yield Strength)	Giới hạn bền (Tensile Strength)	Độ giãn dài (Elongation)	Thử uốn (Bending test) (160°÷180°)
					(N/mm ²) 400 min	(N/mm ²) 570 min	(%) 14 min	
01	D12-11.70m	CB400-V	21/03/2025	125-0094	550.1	664.3	19.17	Không nứt No cracks

3. Thí nghiệm hóa tính

Số TT (No.)	Yêu cầu/spec (CB400-V)	Mác thép (Grade)	% C	% Si	% Mn	% P	% S	C+ Mn/6
01	D12-11.70m	CB400-V	0.290 max 0.24	0.55 max 0.24	1.80 max 0.65	0.040 max 0.016	0.040 max 0.022	C+ Mn/6 0.35

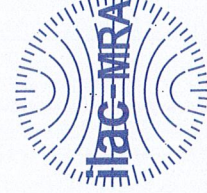
4. Kết luận /Result:

- Chúng tôi chứng nhận các sản phẩm trên đạt nhóm CB400-V theo tiêu chuẩn TCVN 1651 - 2:2018
(WE, VGS hereby certify that these products have conformed to the grade of CB400-V by TCVN 1651 - 2:2018 standard)

THỦ NGHIỆM VIÊN
Test member

(Signature)

LÊ MINH VƯƠNG



VILAS 442

NGUYỄN THANH LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SÀN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

VIETNAM GERMAN STELL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY

KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam

Bình Xuyên industrial zone, Dao Duc Town, Binh Xuyen Dist, Vinh Phuc Province, Viet Nam

Tel: 0211 3593 596 * Fax: 0211 3593 696 * Website: thepvietduc.com.vn



CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM KIỂM CHỨNG NHẬN XUẤT XƯƠNG

(MILL TEST CERTIFICATE)

BM-02-7.8

BẢN SAO

Số / No

Ngày / Date

Khách hàng / Customer

: 125-0079-03/25/VGS

1. Tiêu chuẩn / Standard

: TCVN 1651 - 2:2018

* Phương pháp thử/ Standard test method : TCVN 7937-1:2013, TCVN 198:2008

2. Chỉ tiêu cơ tính và quy cách sản phẩm / Specification, Physical and Mechanical Properties:

- * Thiết bị thí nghiệm: Máy kéo nén vạn năng WE1000-B, thước vạch, cân điện tử...
- * Chỉ tiêu ngoại quan/Perceptible: Đạt yêu cầu kỹ thuật/Good.
- * Thủ tục lấy mẫu/ Sampling procedures : TT-7.3

SẢN PHẨM (PRODUCT)

Số TT (No.)	Quy cách (Product specification)	Mác thép (Grade)	Ngày S.xuất (Date)	Số lô (Lot No.)	CƠ LÝ TÍNH (MECHANICAL PROPERTIES)		
					Giới hạn chảy (Yield Strength) (N/mm ²)	Giới hạn bền (Tensile Strength) (N/mm ²)	Độ giãn dài (Elongation) (%)
01	D14-11.70m	CB400-V	11/03/2025- 12/03/2025	125-0079	400 min 530.5	570 min 677.1	14 min 18.57

3. Thí nghiệm hóa tính

Số TT (No.)	Yêu cầu/spec (CB400-V)	Mác thép (Grade)	% C	% Si	% Mn	% P	% S	Thử uốn (Bending test) (160°÷180°)
01	D14-11.70m	CB400-V	0.26	0.27	1.80 max 0.67	0.040 max 0.018	0.040 max 0.011	C+ Mn/6 0.37

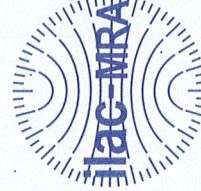
4. Kết luận /Result:

- Chúng tôi chứng nhận các sản phẩm trên đạt nhóm CB400-V theo tiêu chuẩn TCVN 1651 - 2:2018
(WE, VGS hereby certify that these products have conformed to the grade of CB400-V by TCVN 1651 - 2:2018 standard)

THỦ NGHIỆM VIÊN
Test member

g

LÊ MINH VƯƠNG



VILAS 442

NGUYỄN THÀNH LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SÀN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC
VIETNAM GERMANY STELL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY
KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam
Bình Xuyên industrial zone, Dao Duc Town, Bình Xuyên Dist, Vĩnh Phúc Province, Viet Nam
Tel: 0211 3593 596 * Fax: 0211 3593 696 * Website: thepvietduc.com.vn



CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM KIỂM CHỨNG NHẬN XUẤT XƯƠNG
(MILL TEST CERTIFICATE)

BM-02-7.8

BẢN SAO

Số / No : 225-0109-03/25/VGS
Ngày / Date :
Khách hàng / Customer :

1. Tiêu chuẩn / Standard : TCVN 1651 - 2:2018
* Phương pháp thử/ Standard test method : TCVN 7937-1:2013, TCVN 198:2008
2. Chỉ tiêu cơ tính và quy cách sản phẩm / Specification, Physical and Mechanical Properties:

- * Thiết bị thí nghiệm: Máy kéo nén vạn năng WE1000-B, thước vạch, cân điện tử...
* Chỉ tiêu ngoại quan/Perceptible: Đạt yêu cầu kỹ thuật/Good.
* Thủ tục lấy mẫu/ Sampling procedures : TT-7.3

SẢN PHẨM (PRODUCT)				CƠ LÝ TÍNH (MECHANICAL PROPERTIES)				
Số TT (No.)	Quy cách (Product specification)	Mác thép (Grade)	Ngày S.xuất (Date)	Số lô (Lot No.)	Giới hạn chảy (Yield Strength) (N/mm ²)	Giới hạn bền (Tensile Strength) (N/mm ²)	Độ giãn dài (Elongation) (%)	Thử uốn (Bending test) (160°÷180°)
					400 min	570 min	14 min	
01	D16-11.70m	CB400-V	26/03/2025	225-0109	577.7	670.9	18.75	Không nứt No cracks

3. Thí nghiệm hóa tính

Số TT (No.)	Yêu cầu/spec (CB400-V)	Mác thép (Grade)	% C	% Si	% Mn	% P	% S	C+ Mn/6
01	D16-11.70m	CB400-V	0.25	0.22	1.80 max 0.69	0.040 max 0.021	0.040 max 0.018	C+ Mn/6 0.36

4. Kết luận /Result:

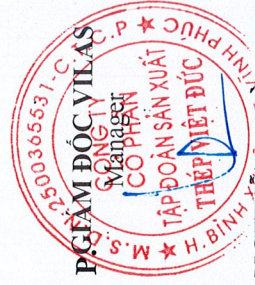
- Chúng tôi chứng nhận các sản phẩm trên đạt nhóm CB400-V theo tiêu chuẩn TCVN 1651 - 2:2018
(WE, VGS hereby certify that these products have conformed to the grade of CB400-V by TCVN 1651 - 2:2018 standard)

THỦ NGHIỆM VIÊN
Test member

LÊ MINH VƯƠNG



VILAS 442



NGUYỄN THÀNH LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

VIETNAM GERMANY STELL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY

KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam

Bình Xuyên industrial zone, Dao Duc Town, Binh Xuyen Dist, Vinh Phuc Province, Viet Nam

Tel: 0211 3593 596 * Fax: 0211 3593 696 * Website: thepvietduc.com.vn



CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM KIỂM CHỨNG NHẬN XUẤT XƯƠNG (MILL TEST CERTIFICATE)

BM-02-7.8

BẢN SAO

Số / No : 225-0098-03/25/VGS

Ngày / Date

Khách hàng / Customer

1. Tiêu chuẩn / Standard : TCVN 1651 - 2:2018

* Phương pháp thử / Standard test method : TCVN 7937-1:2013, TCVN 198:2008

2. Chỉ tiêu cơ tính và quy cách sản phẩm / Specification, Physical and Mechanical Properties:

- * Thiết bị thí nghiệm: Máy kéo nén vạn năng WE1000-B, thước vạch, cân điện tử...
- * Chỉ tiêu ngoại quan/Perceptable: Đạt yêu cầu kỹ thuật/Good.
- * Thủ tục lấy mẫu/ Sampling procedures : TT-7.3

SẢN PHẨM (PRODUCT)					CƠ LÝ TÍNH (MECHANICAL PROPERTIES)			
Số TT (No.)	Quy cách (Product specification)	Mác thép (Grade)	Ngày S.xuất (Date)	Số lô (Lot No.)	Giới hạn chảy (Yield Strength) (N/mm ²)	Giới hạn bền (Tensile Strength) (N/mm ²)	Độ giãn dài (Elongation) (%)	Thử uốn (Bending test) (160°÷180°)
					400 min	570 min	14 min	
01	D18-11.70m	CB400-V	19/03/2025	225-0098	508.2	676.2	19.11	Không nứt No cracks

3. Thí nghiệm hóa tính

Số TT (No.)	Yêu cầu/spec (CB400-V)	Mác thép (Grade)	% C	% Si	% Mn	% P	% S	C+ Mn/6
01	D18-11.70m	CB400-V	0.290 max 0.26	0.55 max 0.24	1.80 max 0.7	0.040 max 0.015	0.040 max 0.01	C+ Mn/6 0.38

4. Kết luận /Result:

- Chúng tôi chứng nhận các sản phẩm trên đạt nhóm CB400-V theo tiêu chuẩn TCVN 1651 - 2:2018
(WE, VGS hereby certify that these products have conformed to the grade of CB400-V by TCVN 1651 - 2:2018 standard)

THỦ NGHIỆM VIÊN

Test member

LÊ MINH VƯƠNG



VILAS 442



NGUYỄN THANH LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC
VIETNAM GERMANY STEEL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY
KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam

Bình Xuyên industrial zone, Dao Duc Town, Bình Xuyên Dist, Vĩnh Phúc Province, Viet Nam
Tel: 0211 3593 596 * Fax: 0211 3593 696 * Website: thepvietduc.com.vn



CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM KIỂM CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG (MILL TEST CERTIFICATE)

BM-02-7.8

BẢN SAO

Số / No : 225-0102-03/25/VGS
Ngày / Date :
Khách hàng / Customer :

1. Tiêu chuẩn / Standard : TCVN 1651 - 2:2018

* Phương pháp thử/ Standard test method : TCVN 7937-1:2013, TCVN 198:2008

2. Chỉ tiêu cơ tính và quy cách sản phẩm / Specification, Physical and Mechanical Properties:

- * Thiết bị thí nghiệm: Máy kéo nén vạn năng WE1000-B, thước vạch, cân điện tử...
- * Chỉ tiêu ngoại quan/Perceptable: Đạt yêu cầu kỹ thuật/Good.
- * Thủ tục lấy mẫu/ Sampling procedures : TT-7.3

SẢN PHẨM (PRODUCT)					CƠ LÝ TÍNH (MECHANICAL PROPERTIES)			
Số TT (No.)	Quy cách (Product specification)	Mác thép (Grade)	Ngày S.xuất (Date)	Số lô (Lot No.)	Giới hạn chảy (Yield Strength) (N/mm ²)	Giới hạn bền (Tensile Strength) (N/mm ²)	Độ giãn dài (Elongation) (%)	Thử uốn (Bending test) (160°÷180°)
					400 min	570 min	14 min	
01	D20-11.70m	CB400-V	21/03/2025	225-0102	522.5	663.7	19	Không nứt No cracks

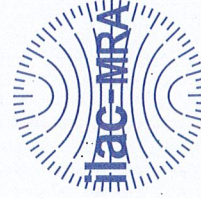
3. Thí nghiệm hóa tính

Số TT (No.)	Yêu cầu/spec (CB400-V)	Mác thép (Grade)	% C	% Si	% Mn	% P	% S	C+ Mn/6
01	D20-11.70m	CB400-V	0.26	0.24	1.80 max 0.7	0.040 max 0.015	0.040 max 0.01	0.38

4. Kết luận /Result:

- Chúng tôi chứng nhận các sản phẩm trên đạt nhóm CB400-V theo tiêu chuẩn TCVN 1651 - 2:2018
(WE, VGS hereby certify that these products have conformed to the grade of CB400-V by TCVN 1651 - 2:2018 standard)

THỦ NGHIỆM VIÊN
Test member



LÊ MINH VƯƠNG

VILAS 442

NGUYỄN THÀNH LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC
VIETNAM GERMANY STEEL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY
KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam
Bình Xuyên industrial zone, Dao Duc Town, Binh Xuyen Dist, Vinh Phuc Province, Viet Nam
Tel: 0211 3593 596 * Fax: 0211 3593 696 * Website: thepvietduc.com.vn



CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM KIỂM CHỨNG NHẬN XUẤT XƯƠNG
(MILL TEST CERTIFICATE)

BM-02-7.8

BẢN SAO

Số / No : 225-0086-03/25/VGS

Ngày / Date

Khách hàng / Customer

1. Tiêu chuẩn / Standard : TCVN 1651 - 2:2018

* Phương pháp thử / Standard test method : TCVN 7937-1:2013, TCVN 198:2008

2. Chỉ tiêu cơ tính và quy cách sản phẩm / Specification, Physical and Mechanical Properties:

- * Thiết bị thí nghiệm: Máy kéo nén vạn năng WE1000-B, thước vạch, cân điện tử...
- * Chỉ tiêu ngoại quan/Perceptable: Đạt yêu cầu kỹ thuật/Good.
- * Thủ tục lấy mẫu / Sampling procedures : TT-7.3

SẢN PHẨM (PRODUCT)					CƠ LÝ TÍNH (MECHANICAL PROPERTIES)			
Số TT (No.)	Quy cách (Product specification)	Mác thép (Grade)	Ngày S.xuất (Date)	Số lô (Lot No.)	Giới hạn chảy (Yield Strength) (N/mm ²)	Giới hạn bền (Tensile Strength) (N/mm ²)	Độ giãn dài (Elongation) (%)	Thử uốn (Bending test) (160°÷180°)
					400 min	570 min		
01	D22-11.70m	CB400-V	11/03/2025	225-0086	562.4	681.3	18.18	Không nứt No cracks

3. Thí nghiệm hóa tính

Số TT (No.)	Yêu cầu/spec (CB400-V)	Mác thép (Grade)	% C	% Si	% Mn	% P	% S	C+ Mn/6
01	D22-11.70m	CB400-V	0.290 max 0.26	0.55 max 0.31	1.80 max 0.66	0.040 max 0.018	0.040 max 0.02	0.37

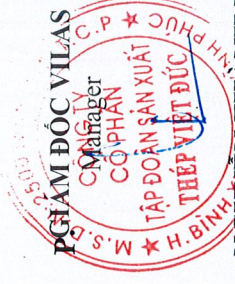
4. Kết luận / Result:

- Chúng tôi chứng nhận các sản phẩm trên đạt nhóm CB400-V theo tiêu chuẩn TCVN 1651 - 2:2018
(WE, VGS hereby certify that these products have conformed to the grade of CB400-V by TCVN 1651 - 2:2018 standard)

THỦ NGHIỆM VIÊN

Test member

y



LÊ MINH VƯƠNG

VILAS 442

NGUYỄN THANH LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC
VIETNAM GERMAN STEEL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY
KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam
Bình Xuyên industrial zone, Dao Duc Town, Binh Xuyen Dist, Vinh Phuc Province, Viet Nam
Tel: 0211 3593 596 * Fax: 0211 3593 696 * Website: thepvietduc.com.vn



CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM KIỂM CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG
(MILL TEST CERTIFICATE)

BM-02-7.8

BẢN SAO

Số / No : 225-0082-03/25/VGS

Ngày / Date

Khách hàng / Customer

1. Tiêu chuẩn / Standard : TCVN 1651 - 2:2018

* Phương pháp thử/ Standard test method : TCVN 7937-1:2013, TCVN 198:2008

2. Chỉ tiêu cơ tính và quy cách sản phẩm / Specification, Physical and Mechanical Properties:

- * Thiết bị thí nghiệm: Máy kéo nén vạn năng WE1000-B, thước vạch, cân điện tử...
- * Chỉ tiêu ngoại quan/Perceptable: Đạt yêu cầu kỹ thuật/Good.
- * Thủ tục lấy mẫu/ Sampling procedures : TT-7.3

SẢN PHẨM (PRODUCT)					CƠ LÝ TÍNH (MECHANICAL PROPERTIES)			
Số TT (No.)	Quy cách (Product specification)	Mác thép (Grade)	Ngày S.xuất (Date)	Số lô (Lot No.)	Giới hạn chảy (Yield Strength) (N/mm ²)	Giới hạn bền (Tensile Strength) (N/mm ²)	Độ giãn dài (Elongation) (%)	Thử uốn (Bending test) (160°÷180°)
					400 min	570 min	14 min	
01	D25-11.70m	CB400-V	08/03/2025- 09/03/2025	225-0082	546.5	664.9	18.8	Không nứt No cracks

3. Thí nghiệm hóa tính

Số TT (No.)	Yêu cầu/spec (CB400-V)	Mác thép (Grade)	% C	% Si	% Mn	% P	% S	C+ Mn/6
01	D25-11.70m	CB400-V	0.26	0.31	1.80 max	0.040 max	0.040 max	0.37

4. Kết luận /Result:

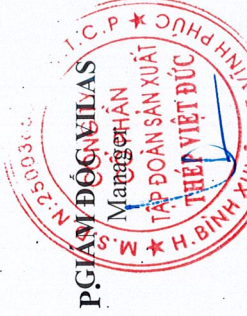
- Chúng tôi chứng nhận các sản phẩm trên đạt nhóm CB400-V theo tiêu chuẩn TCVN 1651 - 2:2018
(WE, VGS hereby certify that these products have conformed to the grade of CB400-V by TCVN 1651 - 2:2018 standard)

THỦ NGHIỆM VIÊN

Test member

Signature

LÊ MINH VƯƠNG



NGUYỄN THÀNH LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC
VIETNAM GERMANY STELL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY

KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam
Bình Xuyên industrial zone, Dao Duc Town, Binh Xuyen Dist, Vinh Phuc Province, Viet Nam
Tel: 0211 3593 596 * Fax: 0211 3593 696 * Website: thepvietduc.com.vn



CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM KIỂM CHỨNG NHẬN XUẤT XƯƠNG
(MILL TEST CERTIFICATE)

BM-02-7.8

BẢN SAO

Số / No : 225-0081-03/25/VGS
Ngày / Date : 27/03/2025
Khách hàng / Customer

1. Tiêu chuẩn / Standard : TCVN 1651 - 2:2018
* Phương pháp thử/ Standard test method : TCVN 7937-1:2013.TCVN 198:2008
2. Chỉ tiêu cơ tính và quy cách sản phẩm / Specification, Physical and Mechanical Properties:

SẢN PHẨM (PRODUCT)					CƠ LÝ TÍNH (MECHANICAL PROPERTIES)			
Số TT (No.)	Quy cách (Product specification)	Mác thép (Grade)	Ngày S.xuất (Date)	Số lô (Lot No.)	Giới hạn chảy (Yield Strength) (N/mm ²)	Giới hạn bền (Tensile Strength) (N/mm ²)	Độ giãn dài (Elongation) (%)	Thử uốn (Bending test) (160°÷180°)
					400 min	570 min	14 min	
01	D28-11.70m	CB400-V	08/03/2025	225-0081	522.8	663.8	19	Không nứt No cracks

3. Thử nghiệm hóa tính

Số TT (No.)	Yêu cầu/spec (CB400-V)	Mác thép (Grade)	% C	% Si	% Mn	% P	% S	C+ Mn/6
01	D28-11.70m	CB400-V	0.26 0.290 max	0.31 0.55 max	0.66 1.80 max	0.018 0.040 max	0.02 0.040 max	0.37

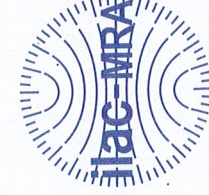
4. Kết luận /Result:

- Chúng tôi chứng nhận các sản phẩm trên đạt nhóm CB400-V theo tiêu chuẩn TCVN 1651 - 2:2018
(WE, VGS hereby certify that these products have conformed to the grade of CB400-V by TCVN 1651 - 2:2018 standard)

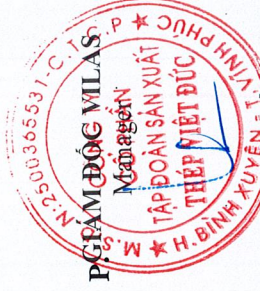
THỦ NGHIỆM VIÊN
Test member

[Signature]

LÊ MINH VƯƠNG



VILAS 442



NGUYỄN THANH LONG



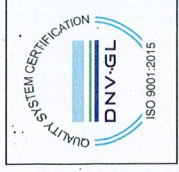
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

VIETNAM GERMANY STELL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY

KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam

Bình Xuyên industrial zone, Dao Duc Town, Binh Xuyen Dist, Vinh Phuc Province, Viet Nam

Tel: 0211 3593 596 * Fax: 0211 3593 696 * Website: thepvietduc.com.vn



BM-02-7.8

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM KIỂM CHỨNG NHẬN XUẤT XƯƠNG

(MILL TEST CERTIFICATE)

BẢN SAO

Số / No

: 225-0104-03/25/VGS

Ngày / Date

Khách hàng / Customer

1. Tiêu chuẩn / Standard : TCVN 1651 - 2:2018

* Phương pháp thử/ Standard test method : TCVN 7937-1:2013, TCVN 198:2008

2. Chỉ tiêu cơ tính và quy cách sản phẩm / Specification, Physical and Mechanical Properties:

- * Thiết bị thí nghiệm: Máy kéo nén vạn năng WE1000-B, thước vạch, cân điện tử...
- * Chỉ tiêu ngoại quan/Perceptable: Đạt yêu cầu kỹ thuật/Good.
- * Thủ tục lấy mẫu/ Sampling procedures : TT-7.3

SẢN PHẨM (PRODUCT)

CƠ LÝ TÍNH (MECHANICAL PROPERTIES)

Số TT (No.)	Quy cách (Product specification)	Mác thép (Grade)	Ngày S.xuất (Date)	Số lô (Lot No.)	Giới hạn chảy (Yield Strength) (N/mm ²)		Độ giãn dài (Elongation) (%)	Thử uốn (Bending test) (160°÷180°)
					400 min	570 min		
01	D32-11.70m	CB400-V	22/03/2025	225-0104	500.4	653.8	19	Không nứt No cracks

3. Thí nghiệm hóa tính

Số TT (No.)	Yêu cầu/spec (CB400-V)	Mác thép (Grade)	% C	% Si	% Mn	% P	% S	C+ Mn/6
01	D32-11.70m	CB400-V	0.26	0.31	1.80 max	0.040 max	0.040 max	0.37

4. Kết luận /Result:

- Chúng tôi chứng nhận các sản phẩm trên đạt nhóm CB400-V theo tiêu chuẩn TCVN 1651 - 2:2018
(WE, VGS hereby certify that these products have conformed to the grade of CB400-V by TCVN 1651 - 2:2018 standard)

THỦ NGHIỆM VIÊN

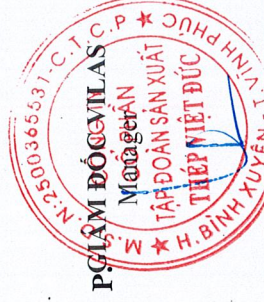
Test member

[Signature]

LÊ MINH VƯƠNG



VILAS 442



NGUYỄN THANH LONG